

VĂN 11- TUẦN 1-2

VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH

Trích “*Thượng kinh kí sự*” – Lê Hữu Trác

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1) Tác giả:

- Lê Hữu Trác (1724 – 1791), hiệu Hải Thượng Lãn Ông, quê ở tỉnh Hưng Yên.
- Là một danh y, không chỉ chữa bệnh mà còn soạn sách và mở trường dạy nghề thuốc.
- Phần lớn cuộc đời hoạt động y học và trước tác của ông gắn với quê ngoại ở Hà Tĩnh.
- Bộ “*Hải thượng y tông tâm lĩnh*”: công trình nghiên cứu y học xuất sắc nhất trong thời trung đại Việt Nam.

2) Tác phẩm: “Thượng kinh kí sự”:

- Kí sự : là một thể kí, ghi chép sự việc, câu chuyện có thật và tương đối hoàn chỉnh.
- Tập kí sự bằng chữ Hán, hoàn thành năm 1786, xếp ở cuối bộ “*Hải thượng y tông tâm lĩnh*”.
- Tác phẩm tả quang cảnh ở kinh đô, cuộc sống xa hoa trong phủ chúa Trịnh và uy quyền thế lực của nhà chúa. Qua đó thái độ coi thường danh lợi của tác giả.

3. Đoạn trích: “Vào phủ chúa Trịnh”

Nội dung : Nói về việc tác giả lên tới kinh đô, được dẫn vào phủ chúa để bắt mạch, kê đơn cho Trịnh Cán.

II. CẢM & HIỂU TC PHẨM

1. Quang cảnh và cung cách sinh hoạt nơi phủ chúa:

a) Quang cảnh:

- Nhiều lần cửa, mỗi cửa đều có lính canh gác.
- Vườn hoa trong phủ chúa:
“cây cối um tùm, chim kêu ríu rít, ...”
- Bên trong phủ: kiệu son, võng điều, đồ nghi trượng son son thép vàng.
- Đến nội cung thế tử phải qua năm sáu lần trướng gấm.
- > Quang cảnh cực kì tráng lệ, lộng lẫy không đâu sánh bằng.

b) Cung cách sinh hoạt:

- Khi tác giả vào phủ theo lệnh chúa thì có “tên đầy tớ chạy đằng trước hét đường”, “cánh chạy như ngựa lồng”.
- Trong phủ “người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi”
- An uống: mâm vàng, chén bạc, của ngon vật lạ.
- Những lời lễ nhấc đền Chúa và Thế tử hết sức cung kính, lễ độ
- Chúa Trịnh luôn có phi tần châu chực xung quanh.
- Trong cung trang nghiêm đến nỗi t/g phải “nín thở đứng chờ ở xa”, “khúm núm đến trước sạp xem mạch”.
- > Quyền uy tột đỉnh, cuộc sống hưởng thụ xa hoa và sự lộng quyền của nhà chúa.

2. Thái độ, tâm trạng và suy nghĩ của t/g:

a) Cách nhìn, thái độ:

- Chỉ kể, không bình luận -> tự sự việc lên tiếng.
- + Miêu tả tỉ mỉ nơi thế tử và con đường đến nội cung -> thiếu sinh khí, tù hãm, ngột ngạt.
- + Nơi thánh thượng đang ngự -> nếp sống hưởng thụ.
- > Quan sát tinh tế, miêu tả chân thực.

b) Tâm trạng và suy nghĩ:

- Tâm trạng khi xem mạch: nhiều xung đột, giằng co.
- + Chưa có hiệu quả ngay -> chúa tin dùng -> công danh trôi buột.
- + Chưa cầm chừng -> trái ý đức -> phụ lòng cha ông.
- > Lương tâm, phẩm chất trung hậu của người thầy thuốc đã thắng.

3. Phẩm chất của tác giả:

- Là một thầy thuốc giỏi
- Có lương tâm và đức độ
- Khinh thường lợi danh, quyền quý, yêu thích tự do và nếp sống thanh đạm nơi quê nhà.

4. Nét đặc sắc của bút pháp kí sự:

- Quan sát tỉ mỉ, tả cảnh sinh động, kể diễn biến sự việc khéo léo => tạo sự lôi cuốn.
- Giọng kể tự nhiên xen lẫn lời kể với lời bình
=> giàu chất trữ tình.
- Ghi chép trung thực, có giá trị hiện thực sâu sắc.

III. TỔNG KẾT: Ghi nhớ SGK.

IV. LUYỆN TẬP:

1. Đọc văn bản, gạch dưới những hình ảnh miêu tả quang cảnh và cung cách sinh hoạt nơi phủ chúa Trịnh.

2. Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“Ông san mâm cơm cho tôi ăn. Mâm vàng, chén bạc, đồ ăn toàn là của ngon vật lạ, tôi bấy giờ mới biết cái phong vị của nhà đại gia. Ăn xong, thấy một viên quan hầu cận chạy lại mời quan Chánh đường vào và bảo tôi đi theo. Đột nhiên, thấy ông ta mở một chỗ trong màn gấm rồi bước vào. Ở trong tối om, không thấy có cửa ngõ gì cả. Đi qua độ năm, sáu lần trướng gấm như vậy, đến một cái phòng rộng, ở giữa có một cái sập thếp vàng. Một người ngồi trên sập độ năm, sáu tuổi, mặc áo lụa đỏ. Có mấy người đứng hầu hai bên. Giữa phòng là một cây nến to cắm trên một cái giá bằng đồng. Bên sập đặt một cái ghế rồng sơn son thếp vàng, trên ghế bày nệm gấm. Một cái màn là che ngang sân. Ở trong có mấy người cung nhân đang đứng xúm xít. Đèn sập chiếu sáng, làm nổi bật màu mặt phấn và màu áo đỏ. Xung quanh lấp lánh, hương hoa ngào ngạt. Xem chừng thánh thượng thường thường vẫn ngồi trên ghế rồng này, nay người rút lui vào màn để xem tôi bắt mạch cho đông cung thật kĩ.”

(Trích “*Vào phủ chúa Trịnh*” của Lê Hữu Trác)

Câu 1 (0,5điểm): Kể tên những phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn bản?

Câu 2 (0,5 điểm): Tác giả kể tả rất chi tiết về nơi ở và cung cách sinh hoạt của thế tử nơi phủ chúa nhằm nói lên điều gì?

Câu 3 (1 điểm): So sánh đoạn văn bản này với đoạn văn ở phần mở đầu của đoạn trích miêu tả về quang cảnh, thiên nhiên em thấy điều gì không bình thường về cuộc sống của chúa và thế tử nơi đây?

TRẢ LỜI:

Câu 1:

.

Câu 2:

.
.
.
.

Câu 3:

.
.
.
.
.
.

Bài học chủ đề:

PHÂN TÍCH THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT TRUNG ĐẠI.

***Chủ đề bài học:**

- 1. Một số thể loại văn học: thơ**
 - 2. Tự tình 2- Hồ Xuân Hương.**
 - 3. Câu cá mùa thu- Nguyễn Khuyến.**
 - 4. Thương vợ- Trần Tế Xương.**
- >Tích hợp:**
- 5. Thực hành thành ngữ và điển cố.**

A-MỘT SỐ THỂ LOẠI THƠ

I/ Khái lược về thơ:

1-Khái niệm: Thơ là thể loại văn học bộc lộ tình cảm, thể hiện tâm hồn con người, đặc biệt là đời sống nội tâm của chính tác giả.

2 -Đặc trưng:

- Tiêu biểu cho loại trữ tình.(thơ là tiếng nói của tình cảm con người, của những rung động trái tim trước cuộc đời bộc lộ qua cái tôi trữ tình).
- Là tiếng nói của tình cảm con người
- Chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sống khách quan.
- Ngôn ngữ: vừa cô đọng, vừa hàm súc, giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu.

B-KHÁI QUÁT VỀ THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT TRUNG ĐẠI:

I-Thơ Đường luật:

1/ Khái niệm: Thơ Đường luật là thể thơ xuất hiện từ đời nhà Đường ở Trung Hoa (phải tuân theo luật lệ nhất định).

2/ Đặc điểm:

- Thơ Đường luật có một hệ thống quy tắc phức tạp được thể hiện ở 5 điều sau: Luật, Niêm, Vần, Đối và Bố cục.
- Thơ Đường luật chia ra làm hai dạng: Tứ tuyệt và Bát cú.

II-Thơ thất ngôn bát cú Đường luật:

1/ Khái niệm: Thơ thất ngôn bát cú Đường luật là loại thơ mỗi bài có tám câu và mỗi câu bảy chữ, tuân theo luật đời Đường..

2/ Đặc điểm: chú ý 3 đặc điểm sau:

a-Vần: (chủ yếu vần bằng)

-Là phần được lặp lại để liên kết dòng trước với dòng sau.

-Vần chân, độc vận (gieo vần cách).

+Vần chân : cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.

+ Độc vận -> một vần.

b/ Đối: Những câu phải đối trong một bài thơ bát cú: câu 3 với 4; câu 5 với 6 (2 câu thực , 2 câu luận)

c/ Bố cục: bốn phần là: Đề, Thực, Luận , Kết (khai, thừa, chuyển, hợp), (cảnh, tình).

C. TÁC PHẨM

TỰ TÌNH

(Bài II)- Hồ Xuân Hương.

I-TÌM HIỂU CHUNG:

1/ Tác giả:

a/ Cuộc đời:

-HXXH (?-?).

- Quê làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.Sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long.

- Không được học nhiều nhưng thông minh, đi đây đi đó nhiều, giao thiệp rộng, thân thiết với nhiều danh sĩ.

- Cuộc đời, tình duyên nhiều éo le, ngang trái .

b-Sự nghiệp:

-Sáng tác cả chữ Hán lẫn chữ Nôm. nhưng thành công ở chữ Nôm.

→ Được mệnh danh là “ bà chúa thơ Nôm”.

-HXXH là một hiện tượng độc đáo trong văn học:

+Là nhà thơ nữ viết về người phụ nữ,

+Phong cách trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất văn học dân gian từ đề tài cảm hứng đến ngôn ngữ hình tượng.

-Nổi bật trong thơ bà là tiếng nói thương cảm đối với người phụ nữ, khẳng định, đề cao vẻ đẹp và khát vọng của họ.

-Tptb: Mời trầu, Bánh trôi nước, chùm thơ Tự tình.

2/ Bài thơ:

-Thể thơ: TNBCĐL.

-Vị trí: bài thơ thứ 2 trong chùm thơ Tự tình gồm 3 bài.

-Nhân đề: Tự tình là tự bộc lộ (bày tỏ) lòng mình.

II-ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:

2/ Hai câu đề: *Khung cảnh thiên nhiên và tâm trạng cô đơn, buồn tủi của nhà thơ:*

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.

***Câu 1: Hoàn cảnh bộc lộ tâm trạng của nhà thơ:**

-“Đêm khuya” Thời gian

Không gian :văng vẳng,yên tĩnh

-> Thích hợp để con người đối diện với chính mình trong những suy tư, trăn trở.

- “Văng vẳng”-> từ láy-> Âm thanh của tiếng trống canh càng làm cho không gian thêm quạnh hiu.

-> Cô đơn, lẻ loi.

-“ Trống canh dồn”

-> Âm thanh dồn dập, liên hồi của tiếng trống sang canh.

-> Gọi bước đi gấp gáp của thời gian.

-> Tâm trạng rối bời của nhà thơ: vừa lo âu vừa buồn bã của con người ý thức được sự chảy trôi của thời gian, đời người.

***Câu 2:**

-“ Trơ” trơ trọi, lẻ loi

Thách thức

-Trơ” -> đảo ngữ + nhịp điệu 1/3/3 nhấn mạnh, tủi hổ, bẽ bàng của thân phận.

-“ Hồng nhan”-> dung nhan của người thiếu nữ.

-“Cái hồng nhan”- cụ thể hóa-> rẻ rúng, mỉa mai.

-Đối lập: cái hồng nhan>< nước non -> tô đậm cảm giác đơn côi, trống vắng

-> gợi sự dãi dầu, cay đắng cho thân phận.

=>Tình cảnh cô đơn, tâm trạng buồn tủi, xót xa cho thân phận hồng nhan.

2/ Hai câu thực: *tả cụ thể thực cảnh và thực tình:*

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn

-Tác giả tìm đến rượu để quên đi cảnh ngộ, nhưng “say lại tỉnh-> gọi cái vòng lẩn quẩn: càng say càng tỉnh, càng thấm thía hơn nỗi đau thân phận.

-Ngắm trăng -> “Vầng trăng bóng xế, khuyết chưa tròn”

+ “Bóng xế” -> sắp tàn.

+ “Khuyết chưa tròn”-> không trọn vẹn.

->Hình tượng thơ chứa 2 lần bi kịch-> tuổi xuân trôi qua mà nhân duyên chưa trọn vẹn.

-> Câu thơ miêu tả ngoại cảnh mà cũng là tâm cảnh. (tả cảnh ngụ tình).

=>Nỗi xót xa, cay đắng cho duyên phận dở dang, lỡ làng -> Nỗi đau thân phận.

3/ Hai câu luận: Cảnh thiên nhiên và nỗi niềm phần uất của nhà thơ:

Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

-Rêu: nhỏ bé, yếu ớt -> xiên ngang mặt đất để tìm sự sống.

-Đá: rắn chắc -> đâm toạc chân mây -> tìm lối thoát.

-> Sức sống mãnh liệt của thiên nhiên. (sự phản kháng)

-Nghệ thuật:

+Cách nói đảo ngữ + phép đối -> nổi bật sự phần uất của rêu, đá cũng như sự phần uất, phản kháng của tâm trạng nv trữ tình.

+Động từ mạnh “xiên, đâm”+ bổ ngữ “ngang + toạc” ->sự bướng bỉnh, ngang ngạnh.

=> Tài năng sử dụng từ ngữ -pc HXH.

=>Hai câu thơ cho thấy đặc điểm cá tính, con người Xuân Hương: bản lĩnh, mạnh mẽ, không chấp nhận hoàn cảnh, số phận.

4/ Hai câu kết: Tâm trạng chán chường của nhà thơ:

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con.

– “Ngán” là chán ngán, ngán ngẩm-> éo le, bạc bẽo của cuộc đời

– Từ “xuân” mang hai nghĩa, vừa là “mùa xuân” vừa là “tuổi xuân”.

=> Mùa xuân của thiên nhiên thì tuần hoàn, vĩnh cửu còn tuổi xuân của đời người thì qua đi không bao giờ trở lại-> Sự đối kháng giữa thiên nhiên với tuổi xuân con người.

– Từ “lại” trong cụm từ “xuân đi xuân lại lại” mang hai nghĩa khác nhau.

+Từ “lại” thứ nhất mang ý nghĩa thêm lần nữa.

-> Sự trở lại của mùa xuân lại đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân.
Xuân Hương cảm nhận sự chảy trôi của thời gian, đời người với bao xót xa, tiếc nuối.

– Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến “ Mảnh tình – san sẻ – tí – con con” nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn.

-> Câu thơ là cảnh ngộ và tâm trạng bi kịch của nữ sĩ: càng khát khao hạnh phúc càng thất vọng, mơ ước càng lớn thực tại càng mỏng manh.

IV- LUÊN TẬP:

-
-
-
-

-
- A 10x20 grid of dots for handwriting practice. The grid consists of 10 rows and 20 columns of small black dots, providing a guide for letter formation and placement.